TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 115/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04-9-2024.
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Thành Chì
- Ông Nguyễn Văn Tưởng

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Sỉ –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị C, sinh năm: 1983.
Địa chỉ: ấp Q, xã Q, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979.
Địa chỉ: ấp Q, xã Q, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Dương Thị C trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 06/04/2015 tại Ủy vban nhân dân xã Q, huyện Thạnh Phú, hôn nhân do tự nguyện. Quá trình sống chung có 03 đứa con chung tên Nguyễn Thị Kim Ng, sinh ngày: 28/10/2002, Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày: 04/02/2006, Nguyễn Dương Minh Q, sinh ngày: 11/03/2015. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn mà không thể giải quyết được nê nay yêu cầu Toà án giải quyết:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

Về con chung: Nguyễn Thị Kim Ng, Nguyễn Thị Kim H đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Nguyễn Dương Minh Q, sinh ngày: 11/03/2015 đồng ý để cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng đã thỏa thuận được với Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thạnh Phú nên không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh đồng ý về điều kiện tiến tới hôn nhân, địa điểm kết hôn và con chung như chị C trình bày.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng có thể hàn gắn, đoàn tụ được. Do đó, về hôn nhân anh không đồng ý ly hôn với Dương Thị C.

Trường hợp chị C vẫn cương quyết ly hôn thì con chung tên Nguyễn Thị Kim Ng Nguyễn Thị Kim H đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Cháu Nguyễn Dương Minh Q, sinh ngày: 11/03/2015 sau khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Vợ chồng đã thỏa thuận được với Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thạnh Phú nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị C. Về hôn nhân chị C được ly hôn với anh T, về con chung Nguyễn Dương Minh Q sẽ do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, về tài sản chung không có nên không xem xét, về nợ chung không có nên không xem xét, gaii3 quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

1.1 Về mối quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp về ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung:

2.1 Về hôn nhân: Chị Dương Thị C và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận vào ngày 06/4/2015. Vì vậy, hôn nhân của chị C và anh T được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị C và anh T đều cho rằng trong thời

gian chung sống cả hai có những bất đồng quan điểm dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh, chị. Anh T mong muốn hàn gắn đoàn tụ nhưng chị C vẫn cương quyết ly hôn nên không thể hàn gắn được. Do đó, căn cứ vào biên bản xác minh tình trạng hôn nhân và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị C là phù hợp.

2.2 Về con chung: Theo biên bản lấy ý kiến nguyện vọng con chung ngày 24/7/2024 thì cháu Nguyễn Dương Minh Q có nguyện vọng sống chung với cha và cả chị C, anh T cũng đồng ý. Do đó, tiếp tục để con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh T không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

2.3 Về tài sản chung: Chị C và anh T trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Chị C, anh T trình bày đã thuận thuận được với Ngân hàng và Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thạnh Phú cũng không có ý kiến, yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Đương sự có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án..

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị C đối với anh Nguyễn Văn T.

Cụ thể tuyên:

1.1 Về hôn nhân: Chị Dương Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do chị C, anh T không có yêu cầu.

1.2 Về con chung: Chị C và anh T có 03 con chung tên Nguyễn Thị Kim Ng, sinh ngày: 28/10/2002, Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày: 04/02/2006 và Nguyễn Dương Minh Q, sinh ngày; 11/03/2015. Trong đó, cháu Ng và cháu H đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Dương Minh Q, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Tứ không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con khi cần thiết chị C, anh T có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3 Về tài sản chung: Chị C và anh T trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Chị C, anh T trình bày đã thuận thuận được với Ngân hàng và Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thạnh Phú cũng không có ý kiến, yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng, chị Dương Thị C có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền đã tạm ứng theo biên lai thu số 0001368 ngày 07/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú là đủ.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã Q, huyện Thạnh Phú;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Huỳnh Minh Trí